

Vấn đề tri thức và văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa

Ngô Hương Giang*

Nhận ngày 15 tháng 9 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 10 năm 2023.

Tóm tắt: Bài viết nhằm làm rõ vai trò của tri thức và văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá. Từ việc nghiên cứu những thay đổi về phương thức sản xuất của chủ nghĩa tư bản hiện đại, trong đó nhấn mạnh đến vai trò của công nghệ trong bối cảnh toàn cầu hoá, nghiên cứu chỉ ra những giới hạn cũng như phương pháp tiếp cận đối với “nền công nghiệp sản xuất tri thức” trên thế giới. Sự lớn mạnh của công nghệ, đặc biệt là công nghệ nghe nhìn đã góp phần kiến tạo nên một “không gian phẳng” mạng xã hội - nơi mà các công dân trên thế giới có thể giao tiếp, trao đổi văn hóa với nhau một cách bình đẳng, phi biên giới. Bài viết cũng chỉ ra những tác động tích cực và tiêu cực của toàn cầu hoá đối với văn hoá của mỗi quốc gia, đặc biệt là vấn đề bản sắc văn hoá dân tộc.

Từ khóa: Toàn cầu hóa, vấn đề bản sắc, tri thức hiện đại.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: The article aims to clarify the role of knowledge and culture in the context of globalization. From studying changes in the production methods of modern capitalism, which emphasizes the role of technology in the context of globalization, the article aims to point out limitations as well as approach to "knowledge production industry" in the world. The growth of technology, especially audio-visual technology, has contributed to creating a "flat space" on social networks - a place where citizens around the world can communicate and cultural exchange with each other in an equal and unlimited way. The article also points out the positive and negative impacts of globalization on each country's culture, especially the issue of national cultural identity.

Keywords: Globalization, identity issues, modern knowledge.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Những năm đầu thế kỷ XX, Husserl và đặc biệt là Heidegger đã nhìn thấy viễn cảnh phá sản của triết học và tư tưởng Tây phương, thể hiện sự bế tắc của cái nôi tư tưởng thế giới. Còn, Michel Foucault trong cuốn sách kinh điển *Chữ nghĩa và sự vật* của mình đã từng tuyên cáo về sự vắng mặt của con người trong tính duy lý và khả năng khai phóng những ý niệm tinh thần cá biệt, tiên liệu cho sự kết thúc bản sắc cá nhân mạnh mẽ mà loài người đã làm được cho đến đầu thế kỷ XIX: “Trong thế kỷ XIX, sự cáo chung của triết học và sự báo trước văn hóa tương lai thống nhất với tư tưởng về sự cáo chung của bản thể con người và sự xuất hiện của con người trong tri thức [...] con người đang biến đi, giống như khuôn mặt vẽ trên cát đang biến đi” (Melvil, 1997: 142-143).

Con người thực sự bước vào ngôi nhà chung của văn hóa toàn cầu - nơi mà một cá nhân có thể mang giữ bản sắc của nhiều cá nhân khác. Và cho tới những năm đầu thế kỷ XXI, Francis Fukuyama trong cuốn sách *Sự cáo chung của lịch sử và con người cuối cùng* đã mở ra sự phản ứng mạnh mẽ trước những gì mà chủ nghĩa lịch sử tiên liệu tương lai tất yếu về một xã hội công hữu. Đặc biệt là sau vụ khủng bố 11 tháng 9 năm 2001 tại Mỹ, các nhà văn hóa đã lo ngại đến vấn đề *những kẻ thù của xã hội mở* (các thế lực ngầm, mạng lưới khủng bố, tổ chức phi quốc gia)

* Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: giangphilosophy@hotmail.com

sẽ nắm quyền viết lại lịch sử. Kể từ đó, chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa tôn giáo cực bộ¹ đã tạo nên sự ám ảnh trong đời sống tâm lí con người hiện đại. Con người trở nên bất an, nảy sinh thái độ nghi ngờ về tồn tại quanh mình, và nghi ngờ về chính sự hiện diện của mình.

Đâu là bản sắc của mình và đâu không phải bản sắc của mình? Một câu hỏi dường như không thể giải đáp trọn vẹn. Con người cuối cùng trong tiên liệu về sự kết thúc của Francis Fukuyama là ai? Khi mà hàng ngày tin tức từ Baghdad (Iraq), từ những cuộc đụng độ của Taliban (Afghanistan) vẫn vang trên truyền hình như sự ám ảnh văn hóa, ám ảnh về tương lai vắng bóng thực sự của con người, một con người trong trạng thái khởi thủy: *Tự do thống trị và kiêu hãnh với chính mình*. Đi tìm câu trả lời cho những nghi vấn ấy dường như trở nên vô vọng, vì lẽ, con người hiện đại đã thực sự trở thành công dân toàn cầu (theo cả nghĩa thực và nghĩa hàm ẩn).

2. Toàn cầu hóa văn hóa và vấn đề bản sắc

Toàn cầu hóa² văn hóa không còn tồn tại trong ý nghĩa về sự chọn lựa rạch ròi có/ không, nên/ không nên..., mà nó là tất yếu. Trong vòng xoay tất yếu ấy, con người phải chấp nhận chung sống cùng nó. Do đó, toàn cầu hóa văn hóa gắn chặt với toàn cầu hóa kinh tế. Ngày nay, người Việt Nam có thể sử dụng món gà rán KFC (Kentucky Fried Chicken), hay đồ uống Pepsi trong các cửa hiệu danh tiếng McDonalds, mà không cần phải truy vấn về nguồn gốc của những phẩm vật ấy. Chiếc áo dài của người Việt Nam với 3 vòng chuẩn mực vốn là niềm tự hào dân tộc Việt Nam, nhưng ước vọng cực bộ ấy không còn nữa, khi một người Mỹ, một người México hay một người Nhật mặc nó, dù biết rằng họ chẳng thể tạo ra sự duyên dáng đặc biệt như con gái Việt Nam. Đơn giản vì, chiếc áo dài Việt Nam đã trở thành Chiếc áo dài toàn cầu hóa (Global-long dress). Chiếc điện thoại di động ngày nay đã xóa nhòa ranh giới xuất xứ cũng như giai tầng xã hội sử dụng nó, giờ đây một sinh viên Việt Nam hoàn toàn có thể gửi ảnh của mình cho người bạn ở Pháp, Anh, Mỹ, miễn là chúng có cùng chế độ và công cụ sử dụng. Một chiếc Ipad hay một công cụ đọc sách Kindle có thể tạo nên làn sóng văn hóa sừng sốt, thu hút lượng người sử dụng khổng lồ mỗi năm, đơn giản, vì nó góp phần hòa trộn và đặt văn hóa các quốc gia gần nhau (Mix-culture).

Con người là chủ thể của sáng tạo văn hóa, nhưng đồng thời, con người cũng là đối tượng chịu sự tác động ngược trở lại của văn hóa. Điều này đồng nghĩa với việc, khi đã có toàn cầu hóa văn hóa thì con người như một chủ thể sáng tạo văn hóa ấy cũng tồn tại với tư cách như là liên chủ thể. Một mạng lưới văn hóa có tính bao trùm và phổ quát, vượt qua ranh giới địa lý quốc gia như vậy, thì việc con người xác định các nguyên tắc cơ bản của việc gia nhập như một điều bất khả kháng trở thành vấn đề cần thiết. Tuy nhiên, có một vấn đề cần đặt ra là, khi văn hóa đã trở thành một mạng lưới rộng khắp mà mỗi quốc gia là một mắt xích tất yếu trong vòng tròn văn hóa như vậy, thì giới hạn nào để con người có thể nhận biết thời điểm mà mình gia nhập như một thành tố văn hóa trong mạng lưới văn hóa chung ấy? Và khi gia nhập toàn cầu hóa thì có phải nhất nhất là gia nhập một cách tuyệt đối, hiến tặng cái riêng cho sự tồn tại của cái chung không, hay là gia nhập một cách có giới hạn và có lý trí? Vấn đề bản sắc dân tộc, bản sắc người như là căn tính văn hóa quốc gia khi gia nhập vào toàn cầu hóa liệu có mất đi hoàn toàn, hay nó là sự

¹ Chủ nghĩa tôn giáo cực bộ là thuật ngữ nhằm để chỉ các thế lực tôn giáo ra đời với mục đích lợi dụng hoặc nhân danh tôn giáo để giải quyết vấn đề lợi ích cá biệt của một nhóm người. Chủ nghĩa tôn giáo cực bộ thường tiến hành các cuộc bạo động dưới danh nghĩa “tự vì đạo”, nhằm gây sức ép với các tôn giáo khác hoặc gây sức ép với các chính sách chính trị của quốc gia nơi mà các thế lực đó tồn tại.

² Khái niệm “Toàn cầu hóa” theo David Held - một học giả có uy tín về chính trị học thì “Toàn cầu hóa” là “sự kết nối lẫn nhau [theo một cách thức] ngày càng mở rộng, sâu sắc và tăng tốc trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội hiện nay” (Moisés Naím, 2009).

chuyên biến cần thiết để thích ứng với xu hướng và hoàn cảnh thế giới? Cuối cùng, con người với tư cách cái tôi sáng tạo chủ động có bị mất đi bản sắc cá biệt của mình, hay là trở thành một cá thể thụ động bị cuốn theo và chịu sự tác động của một nhóm người có cùng lợi ích lợi dụng toàn cầu hóa nhằm tăng cường sức mạnh và uy thế? Những nghi vấn trên cần được giải quyết và nhận thức một cách rạch ròi.

Sống trong bối cảnh khi mà công nghệ thông tin và truyền thông số hóa trở thành mạng lưới phủ kín trái đất, thì việc xác định thời điểm con người gia nhập/ chịu sự gia nhập vào hệ thống văn hóa chung là vấn đề cấp bách. Ngày nay, khi mà công nghệ thông tin và truyền thông số hóa không chỉ dừng lại ở giới hạn của công cụ giúp con người tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần, mà nó đã trở thành nguyên tắc chỉ đạo đời sống của chính con người và cộng đồng người. Vì vậy, “sự trỗi dậy” của các phương tiện truyền thông đại chúng với quy mô toàn cầu như là một hệ thống thiết chế nhằm xác lập các nguyên tắc và quy định các nguyên tắc cho con người. Con người tiếp nhận thông tin và ứng xử văn hóa nhanh hơn, thuận tiện hơn, song con người cũng có nguy cơ bị áp đặt hoặc chịu sự áp đặt theo “cơ chế lây lan” của “thiết chế ảo”. Trước đây, để tôn vinh hoặc tiếp nhận nền văn hóa của một quốc gia nào đó đòi hỏi cả quá trình hợp tác, giao thoa và tiếp nhận lâu dài thông qua các phương tiện in ấn, xuất bản phẩm, thì giờ đây con người chỉ mất chưa tới 1 giây, thông qua 1 click chuột. Thế nhưng nếu trước đây nạn bạo lực, bạo hành và suy thoái văn hóa thường được “du nhập” chậm và có thể được kiểm soát một cách chặt chẽ, thì giờ đây quá trình ấy hoàn toàn ngược lại, sức mạnh của “bạo lực ảo” ngày càng gia tăng theo một cách chóng mặt và khó có thể kiểm soát, ngăn chặn. Từ đó kéo theo những hệ quả suy thoái đạo đức xã hội trầm trọng, độ tuổi sinh nở của thanh thiếu niên sớm hơn, bạo lực gia tăng có khuynh hướng ngày càng trẻ hóa và tàn bạo hơn. Hệ quả này không hoàn toàn thuộc về lỗi của công nghệ truyền thông số hóa, nó thuộc về quá trình giáo dục và đào tạo con người ngay trong quá trình gia nhập vào toàn cầu hóa văn hóa.

Liên hệ với Việt Nam, chúng tôi thấy, đa phần các thế hệ được tiếp nhận với công nghệ truyền thông số hóa thường không được giáo dục một cách bài bản về các nguyên tắc khi gia nhập mạng lưới thông tin toàn cầu. Phương pháp giáo dục công dân trong thời đại số hóa toàn cầu nặng về giáo dục kỹ thuật sử dụng công nghệ hơn là giáo dục đạo đức ứng xử; nặng về cách thức tiến hành tạo ra thông tin hơn là phương thức sống, lựa chọn thông tin; nặng về “phong trào” hơn là đưa ra cách thức và nguyên tắc để nhận thức đúng bản chất của việc gia nhập “như một phong trào”. Đa phần các công dân mạng ngày nay thường chỉ được dạy các kỹ năng để gia nhập vào sức mạnh của quyền lực truyền thông, mà ít được chú trọng đào tạo và giáo dục nhận thức về bản chất thế giới mà họ gia nhập để có thể chung sống một cách hòa bình với thế giới phẳng hai mặt: vừa tích cực vừa tiêu cực này; họ chỉ được dạy cách sử dụng và làm theo sức mạnh thông tin tri thức, mà ít được giáo dục cách để tạo ra thông tin, tri thức và kiểm soát, chế ngự được thông tin tri thức do mình tạo ra. Trước khi gia nhập vào bất cứ trào lưu, lĩnh vực hay khuynh hướng biến đổi toàn cầu nào, thiết nghĩ, các công dân cần được giáo dục nhận thức một cách đầy đủ về đối tượng mà mình muốn tham dự, giải quyết những giới hạn của mình bằng lý trí hơn là thông qua con đường cảm tính, xu thời. Thời điểm mà con người gia nhập vào bất cứ hình thức phát triển nào của nhân loại, trong đó có toàn cầu hóa văn hóa cần được xác định là thời điểm con người đã có nhận thức hoặc được giáo dục để nhận thức đúng bản chất của việc gia nhập cũng như đối tượng mà mình gia nhập.

Tất yếu, khi mỗi cá nhân tham dự vào quá trình toàn cầu hóa văn hóa đã có nhận thức đúng về đối tượng gia nhập cũng như quá trình gia nhập, thì vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc, “bản sắc cá nhân” người gia nhập cũng được xác lập dựa trên nguyên tắc biện chứng giữa “cho” và “nhận”. Ngày nay, việc tiếp nhận các di sản văn hóa thông qua hệ thống phương tiện truyền thông trở nên

dễ dàng và ít tốn kém, con người có thể “đi” du lịch và thử nghiệm các lễ hội văn hóa của những quốc gia xa xôi một cách dễ dàng chỉ với một chiếc tivi hay một chiếc máy tính bảng. Thậm chí, việc tự do qua lại biên giới các nước láng giềng như ở châu Âu, cũng là cách để xóa bỏ khoảng cách về văn hóa giữa các quốc gia. Đó là sự rút ngắn các giới hạn cho và nhận về văn hóa cũng như cách thức giao tiếp giữa con người với con người. Vì vậy cái mà văn hóa của một quốc gia có thể “cho đi” khi gia nhập vào “ngôi làng toàn cầu hóa” (Global Village) cần được nhận thức như là một sự “cho đi một cách có giới hạn” và thường được đồng nhất với quá trình quảng bá các giá trị văn hóa quốc gia, dân tộc. Quá trình “cho đi” ấy phải là quá trình được nhận thức một cách có lý trí. Trong vai trò một cá nhân, thì sự quảng giao của con người thuộc quốc gia này với quốc gia khác cần được xác lập trên nguyên tắc tự nguyện, và cái “cho đi” của các cá nhân được xem như là quá trình giao thoa, tiếp nhận lẫn nhau các giá trị tri thức cũng như lối sống, lối ứng xử văn hóa. Do đó, cái “cho đi” trong trường hợp này được đồng nhất với quá trình trao đổi, học hỏi và tạo dựng sự ảnh hưởng lẫn nhau một cách có điều kiện và có giới hạn của mỗi “cá nhân văn hóa”. Cả hai quá trình “cho đi” giữa cá nhân và cộng đồng khi gia nhập vào quá trình toàn cầu hóa cần được xác lập dựa trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và tôn trọng lợi ích của nhau. Chỉ khi quá trình “cho đi” được xác lập dựa trên các nguyên tắc ấy, thì con người chung sống trong mạng lưới toàn cầu hóa về văn hóa mới được bảo vệ một cách vững bền, tránh được sự lợi dụng của các nhóm lợi ích với âm mưu thôn tính và đồng hóa quốc gia, dân tộc cũng như đồng hóa bản sắc cá nhân con người.

Đó là “cái cho đi” của con người và dân tộc. Vậy cái “nhận lại” để làm giàu, mà không làm biến đổi bản sắc cá nhân cũng như văn hóa dân tộc là gì? Toàn cầu hóa là môi trường dân chủ và có liên hệ biện chứng với sự phát triển văn hóa quốc gia, cũng như phát triển con người một cách toàn diện. Toàn cầu hóa tạo ra cơ hội để mỗi quốc gia có thể tận dụng các giá trị của văn hóa nhân loại, từ đó góp phần lấp đầy những giới hạn văn hóa của dân tộc mình, mà chỉ khi vượt ra khỏi ranh giới lãnh thổ, chúng ta mới nhận ra được giới hạn ấy. Đồng thời, toàn cầu hóa cũng đặt ra những thách thức khi mà giữa các quốc gia vốn có xuất phát điểm về văn minh chênh lệch nhau, từ đó phản ánh những tác động văn hóa giữa các quốc gia cũng khác biệt. Trong sự khác biệt ấy, mọi nỗ lực vượt qua những giới hạn lạc hậu của văn hóa đã trở thành mối quan tâm rộng lớn của các quốc gia, dân tộc cũng như mỗi công dân. Con người trong hệ thống văn hóa vừa chung vừa riêng ấy, nghiêm nhiên cũng tự đặt mình vào vòng tròn biện chứng: *hoặc đánh mất mình hoặc làm chủ mình* và liên tục phải đối mặt với truy vấn: văn minh hay lạc hậu, mở cửa ra với thế giới hay là khép mình một cách cục bộ, thay đổi hay là bảo lưu, tiến lên hay là tụt hậu?... Điều đó phản ánh quá trình tất yếu của việc “nhận lại” những gì mà toàn cầu hóa đã mang đến cho con người. Con người giờ đây không chỉ là nguồn lực tạo ra của cải cho xã hội, rộng ra là cho toàn nhân loại, mà còn phải là chủ thể biết tiếp nhận những gì mà xã hội cũng như chính con người tạo ra. Từ đó cho thấy, bản chất của mọi hoạt động sáng tạo văn hóa luôn là quá trình biện chứng sâu sắc: *có tạo ra thì sẽ phải nhận lại*. Song vấn đề là tạo ra cái gì và nên nhận lại những gì? Con người không thể tạo ra “giá trị” mà quá trình nhận lại là các yếu tố “phản giá trị”, hoặc ngược lại. Trong bối cảnh toàn cầu hóa văn hóa thì cái mà con người tạo ra không còn giới hạn cho cộng đồng chủng tộc của mình, mà cần được xem như là mục đích phục vụ lợi ích chung của toàn nhân loại, theo đó, “cái được tạo ra” phải được xác lập dựa trên nguyên tắc của chủ nghĩa nhân văn, làm cho con người hạnh phúc và tiến bộ hơn chứ không thể là quá trình hủy diệt và biến con người trở thành nạn nhân của sự hủy diệt ấy. Một khi sản phẩm được tạo ra hướng tới lợi ích nhân văn và phục vụ lợi ích chung của con người, thì “cái nhận lại” cũng phải là cái làm cho con người hạnh phúc hơn, hoặc tiến bộ lên chứ không phải là nhận lại sự hủy diệt hoặc cái làm cho con người tụt hậu đi. Đó là vòng tròn biện chứng tất yếu giữa “cho” và “nhận”.

Tuy nhiên, thực tế thì những lý luận nhận thức trên dường như không được con người quan tâm vận dụng một cách triệt để. Thường thì, cái ban đầu do con người tạo ra luôn là cái tích cực, vì mục đích nhân văn, song khi qua quá trình quá độ để tăng tốc thì nó lại trở thành đối tượng bị lợi dụng của các nhóm lợi ích trong xã hội, khiến quá trình “cho đi”/ “tạo ra ấy” trở nên tha hóa và xa rời mục tiêu tích cực ban đầu. Và khi tới tay của chủ thể “nhận được” sự “cho đi” ấy lại trở thành sự “khủng hoảng”, xảy ra tình trạng đánh đồng, lẫn lộn giữa các giá trị: tích cực và tiêu cực, mà sự gia tăng các khối lượng thông tin đã góp phần làm “nhiều” quá trình nhận thức, đánh giá để đi đến tiếp nhận các giá trị. Các luồng thông tin phi biên giới với tốc phát triển nhanh chóng đặt con người vào tình thế nan giải trong khi đánh giá đúng các giá trị văn hóa mà mình tiếp nhận. Vì vậy, việc con người cũng như các nhà hoạch định chính sách văn hóa cần tạo ra được các “thang văn hóa” tiếp nhận phù hợp với các “kênh văn hóa” đang có xu hướng lây lan³, tràn ngập mọi ngõ ngách của truyền thông, là yêu cầu tiên quyết cho sự gia nhập vào mạng lưới toàn cầu hóa. Thang văn hóa chung mà con người, cộng đồng, dân tộc tạo ra sẽ quy định những giới hạn cần “cho đi” cũng như các giới hạn cần “nhận lại”, phù hợp với thực tiễn đất nước cũng như tiến trình văn minh nhân loại. Dù cho xã hội có tiến bộ hay lạc hậu, thì con người vẫn là nguồn lực chịu sự tác động trực tiếp của quá trình biến đổi xã hội, đồng thời, cũng tác động ngược trở lại lên sự hưng vong của xã hội, của văn hóa dân tộc. Vì vậy, con người một khi đã nhận thức đúng về bản chất của toàn cầu hóa văn hóa, cũng như cách thức gia nhập vào nó thì sẽ kéo theo hệ quả tất yếu là quốc gia, dân tộc và xã hội nơi con người tồn tại cũng đi đúng hướng của sự tiến bộ.

3. Toàn cầu hóa thông tin và vấn đề tri thức

Toàn cầu hóa đã bắt đầu bằng toàn cầu hóa thông tin. Điều này cũng đồng nghĩa với việc xem toàn cầu hóa có kết cấu từ toàn cầu hóa thông tin do tri thức con người dựng lên. Vì vậy, về bản chất, toàn cầu hóa đã bắt đầu bằng quá trình sản sinh, kết nối và làm giàu lẫn nhau của tri thức nhân loại, mà như cách nói của Jean-François Lyotard trong *Hoàn cảnh hậu hiện đại* thì toàn cầu hóa, thực chất là “bản tường trình tri thức” về/ của con người.

Có thể nói thập niên đầu thế kỷ XXI, nhân loại chứng kiến một cuộc bùng nổ về truyền thông, báo chí. Các hình thức thông tin truyền thống như in ấn, phát hành sách, báo đã phải nhường chỗ cho các hình thức thông tin mới thông qua công nghệ truyền thông hiện đại cũng như “sự lên ngôi” của hệ thống phần mềm vi tính, giúp quá trình tiếp nhận thông tin trở nên nhanh chóng. Sự chuyển đổi từ hệ hình truyền thông truyền thống sang phương thức truyền thông số hóa qua hệ thống Internet dày đặc, kéo theo sự chuyển dịch của phương thức sản xuất từ phương thức sản xuất cũ nặng về tác động tự nhiên sang phương thức sản xuất mới xem tri thức vừa là tư liệu sản xuất, đồng thời vừa là sản phẩm chính phục vụ xã hội. Việc sản xuất tri thức đã tạo ra nguồn của cải lớn cho con người, giảm thiểu tối đa sức lao động, cũng như quá trình vận chuyển hàng hóa, song đồng thời cũng tạo ra sức ép và sự cạnh tranh khốc liệt. Thị trường số hóa đặt con người vào tình trạng không ngừng sản xuất tri thức và thường trực những rủi ro lớn do tình trạng “khủng hoảng” về thị trường. Nếu như trước đây để vận chuyển hàng hóa từ nơi sản xuất tới thị trường có thể mất một khoảng thời gian cũng như sự hao mòn hàng hóa thông qua quá trình vận chuyển, thì giờ đây, quá trình đó được rút ngắn và ít chi phí hơn khi xuất hiện các thị trường chung chuyển. Các thị trường chung chuyển này có mặt ở khắp các nước trên thế giới - nơi có chi nhánh của công ty mẹ đặt. Nếu như trước đây việc mở rộng thị trường kinh doanh mất nhiều thời gian và tốn kém, thì giờ đây nó được các nhà “thương thuyết” điều khiển chỉ với một cái máy tính có kết nối Internet. Điều này nói lên tính chất tất yếu của một nền sản xuất và trao đổi tri thức.

³ Kiểu thức lây lan là kiểu thức mà chủ thể nhận thức không ý thức được tình trạng thông tin đến với mình lúc nào, cũng như giới hạn mình gia nhập vào nó.

Việc sản xuất tri thức cần đến quá trình hợp thức hóa nó bằng điện toán, với *hệ thống ngôn ngữ lập trình chung* đảm bảo quá trình thông giao cũng như sử dụng của con người. Sự thuận tiện của mạng lưới thông tin đã tạo ra một “thị trường tri thức” rộng khắp mà không phải là của cải của riêng bất cứ quốc gia nào, một khi nó được cụ thể hóa bằng kỹ thuật và công nghệ hoặc được mã hóa qua một ngôn ngữ quy ước chuẩn từ hệ điều hành máy tính (ở trường hợp này là Anh ngữ). Điều này đã mở ra một quy luật thông thương của hệ thống tri thức, điều mà J.F. Lyotard so sánh như một dạng “tiền tệ” dùng để trao đổi các giá trị⁴. Trong quá trình lưu thông ấy, bản thân tri thức sẽ xác định các giá trị trao đổi⁵, đặt đối tượng sử dụng tri thức vào vị trí như một công cụ để hiệp thương các “thang giá trị” trao đổi: *sự tiến bộ chắc chắn sẽ được trao đổi bằng bằng giá trị phù hợp với sự tiến bộ, còn sự lạc hậu sẽ bị hệ thống tri thức tiến bộ đào thải, thủ tiêu các giá trị trao đổi tương ứng mà nó xác lập*. Điều này cũng giống như việc các mệnh giá tiền sẽ quy định giá trị hàng hóa tương ứng trong khi trao đổi, tỷ lệ thuận với nhu cầu mà người mua mong đợi. Quy chiếu với thang bậc của tiền tệ, tri thức trong bối cảnh toàn cầu hóa thông tin xem giá trị “giáo dục” như là “các mệnh giá” quy đổi mà con người nhận được thông qua quá trình tiếp nhận. Theo đó, hệ thống tri thức sẽ xác lập khả năng lựa chọn đối tượng mà nó trao đổi tương ứng: cá nhân có tri thức tiến bộ sẽ nhận được “sự giáo dục” tương ứng với tri thức tiến bộ mà họ tiếp nhận, ngược lại cá nhân có tri thức lạc hậu được giáo dục trong một môi trường kém phát triển, thì chắc chắn sẽ bị hệ thống tri thức tiến bộ mà họ tiếp nhận “từ chối” sự “giáo dục” ngược trở lại.

“Sự giáo dục” của tri thức ở đây cần được hiểu như là “cái tương tác” giữa tri thức khách quan với khả năng đón nhận cũng như sử dụng tri thức được tiếp nhận ấy của con người. Nó mở ra nguy cơ “bất khả tương tác” hoặc bị “từ chối tương tác” của tri thức đối với các quốc gia, con người có nền tri thức hoặc giáo dục tri thức yếu kém. Tri thức là chìa khóa tác động trực tiếp vào quá trình tạo ra nguồn của cải vật chất theo một cách thức tất yếu: *là công cụ để con người tác động vào nguồn tư liệu sản xuất nhằm tạo ra sản phẩm theo ý muốn*. Sự thắng thế của khoa học kỹ thuật là minh chứng rõ nhất cho sự sinh sôi của cải cho con người, khi con người sử dụng nó để tác động vào tự nhiên. Tri thức là nguồn gốc của kỹ thuật và công nghệ. Sự tiến bộ của kỹ thuật và công nghệ phản ánh sự vượt trội và tiến bộ của tri thức do con người tạo ra. Do đó, sự thay thế của kỹ thuật chính là sự thay thế lẫn nhau của các hệ hình tri thức⁶, trong mỗi lần thay thế ấy, tư liệu sản xuất sẽ được “nhào nặn” theo một cách thức tiến bộ cao hơn, kéo theo giá trị của sản phẩm cũng được nâng lên tương ứng với tri thức tác động lúc ban đầu. Sức mạnh của một quốc gia biểu hiện ra bên ngoài là sức mạnh của khoa học và công nghệ, phản ánh tất yếu sức mạnh của nền sản xuất tri thức, đặt con người và các quốc gia vào tình thế không ngừng phải đổi mới chính mình. Sự “lệch chuẩn”

⁴ “Tri thức tự thân không còn là một sản phẩm sau cùng, bản thân nó mất đi “giá trị sử dụng” [để chỉ giữ lại giá trị trao đổi]” (Jean-Francois Lyotard, 2007).

⁵ Jean-Francois Lyotard có lý khi cho rằng, tri thức trong bối cảnh hậu hiện đại thực chất là các giá trị dùng để phục vụ cho mục đích trao đổi: “Chẳng có gì khó để thấy rằng lưu hành kiến thức cũng sẽ tiến hành như sự lưu hành tiền tệ, thuần túy là thay thế giá trị tiền tệ bằng giá trị “giáo dục” và tầm quan trọng chính trị (hoặc các tầm quan trọng về ngoại giao, quân sự, quản trị) của tri thức; sự phân biệt giữa tri thức và dốt nát sẽ không còn thích ứng nữa, thực ra, cũng giống như trường hợp của tiền tệ, là sự phân biệt giữa “tri thức dùng để chi trả” và “tri thức dùng để đầu tư” - nói một cách khác, là sự phân biệt giữa những đơn vị tri thức dùng để trao đổi hàng ngày nhằm bảo trì một cơ/ thể chế (như việc tái cấu trúc lực lượng lao động để sống còn) đối lại với những nguồn vốn tri thức tập trung vào việc tối ưu hoá sự thực hành một đề án” (Jean-Francois Lyotard, 2007).

⁶ Hệ hình tri thức (Knowledge Paradigm) là thuật ngữ được Thomas Kuhn xây dựng khi ông viết *The Structure of Scientific Revolutions* năm 1962, với mục đích: dựa trên quy luật phát triển của lịch sử khoa học, người nghiên cứu có thể phân tích và đánh giá sự ra đời của các học thuyết khoa học cũng như sự tác động và ảnh hưởng của nó đến đời sống con người. Thomas Kuhn định nghĩa Hệ hình tri thức như là “một tổng thể các niềm tin, các giá trị, kỹ thuật được các thành viên của một nhóm nhất định nhìn nhận” (Kuhn, Thomas S, 2008).

hoặc “kênh nhau” giữa các hệ hình tri thức cho thấy *tính chất không phù hợp*, hoặc *bất khả tương tác* giữa các quốc gia cũng như giữa con người với nhau. Ở các quốc gia có nền giáo dục tiên bộ, nền công nghệ hiện đại, sẽ “bỏ xa” hoặc “vượt qua” các quốc gia kém phát triển về giáo dục và công nghệ, phản ánh nguy cơ “bất công bằng” trong việc phân phối sản phẩm giữa quốc gia này với quốc gia khác cũng như giữa các tầng lớp xã hội, mặc dù giá trị “dân chủ” trong khi sử dụng tri thức là như nhau.

Tri thức con người trong bối cảnh toàn cầu hóa thực sự là cuộc “chạy đua” về trí tuệ, một cuộc cạnh tranh có quy mô về việc đào tạo nguồn lực tri thức “tân tiến”; mở ra viễn cảnh tất yếu của các cuộc chiến tri thức⁷ rộng khắp toàn cầu, cho thấy đối tượng chịu “thất bại” luôn thuộc về các quốc gia có nền giáo dục - công nghệ kém phát triển. Trong cuộc chiến “không tiếng súng” đó, các quốc gia thắng lợi là các quốc gia có thể tạo ra cho mình một hệ thống tri thức và công nghệ ưu việt so với các nước khác. Sự trỗi dậy của Trung Quốc ngày nay là minh chứng cho quá trình sản xuất tri thức vượt trội. Đây cũng là quốc gia biết tận dụng tri thức tiên bộ của các nước khác, để vươn lên trở thành một “đế quốc” kinh tế hùng cường nhất nhì thế giới. Sự lớn mạnh của Trung Quốc đã khẳng định tầm quan trọng cũng như “khả năng cân bằng quyền lực” bất khả thay thế của “sức mạnh tri thức”⁸. Ngược lại với Trung Quốc, những quốc gia vốn trở thành cường quốc về công nghệ và kỹ thuật trong thế chiến thứ hai, với tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh như: Anh, Nhật Bản, Ấn Độ, thậm chí là Mỹ, dường như đang trong giai đoạn chững lại và bộc lộ dấu hiệu suy thoái, tình trạng nợ xấu, khoảng cách giàu nghèo, thất nghiệp tăng cao. Mặc dù, những vấn đề trên chưa phải là dấu hiệu để khẳng định tình trạng “suy yếu” của “hệ thống tri thức - công nghệ” ở các quốc gia ấy, nhưng nó phản ánh phần nào sự chuyển dịch mục đích sản xuất “từ tạo dựng tri thức” có trọng điểm, có mục tiêu sang một nền sản xuất tri thức ồ ạt; mở rộng thị trường tiêu thụ tri thức song không chú ý đúng mức tới chất lượng của sản phẩm; và có khuynh hướng phục vụ mục đích chính trị nhằm tăng cường uy thế về sức mạnh, thiên về răn đe đối với các quốc gia khác hơn là phục vụ lợi ích của công dân. Sự xuất hiện các loại vũ khí sinh học, hóa học, hạt nhân nguyên tử đã trở thành “mục tiêu lợi dụng” trong ngành công nghiệp sản xuất tri thức ở các quốc gia nói trên, cho thấy sự bất ổn trong việc sử dụng nguồn lực tri thức cũng như nguồn lực con người.

Nhận thức được tầm quan trọng của “tri thức” trong bối cảnh toàn cầu hóa, Việt Nam cần xác lập các nguyên tắc cơ bản cho hoạt động sản xuất tri thức để có thể gia nhập vào “nền công nghiệp tri thức” thế giới một cách bền vững. Trong đó, điều kiện tiên quyết để chúng ta có thể hội nhập vào nền tri thức toàn cầu đó là: *tạo lập một “hệ thống tri thức” có thể tương tác được với “hệ thống tri thức” thế giới mà ta tiếp nhận, trao đổi*. Muốn tránh được tình trạng bất tương tác, hoặc kênh nhau giữa sản phẩm tri thức của chúng ta so với các nước khác, thì cá nhân hoặc tập thể sản xuất tri thức phải không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tri thức, để sản phẩm tri thức tạo ra có giá trị trao đổi tương đương với hàng hóa/ hoặc sản phẩm tri thức mà các quốc gia khác đem ra trao đổi. Vấn đề ở đây không chỉ nằm ở việc xem giáo dục và đào tạo như là mục tiêu phát triển con người trong tương lai, mà cần xem giáo dục đào tạo như là “thang giá trị” quy định vận mệnh tất yếu của nền kinh tế - xã hội và chính trị quốc gia, dân tộc. Chỉ khi chúng ta nhận thức được tầm quan trọng của việc tạo ra một nền tri thức đủ mạnh để có thể cạnh tranh được với các

⁷ Joseph S. Nye đã gọi cuộc chiến tri thức này là *quá trình thực thi sức mạnh mềm* của các cường quốc. Truyền thống thực thi sức mạnh mềm này được các “đế chế” hùng cường về kinh tế - quân sự như Anh, Pháp, Mỹ phát huy triệt để như một cuộc “xâm lược” ngầm về chính trị và ngoại giao. (Joseph S. Nye, 2004).

⁸ Liên hệ với điều này, chúng ta có thể xây dựng một bảng quy chiếu giữa các quốc gia như Triều Tiên và Hàn Quốc, Việt Nam và Singapore... để thấy tầm quan trọng của việc phát triển tri thức trong thời đại Hậu hiện đại này (theo như cách nói của Jean-Francois Lyotard).

nền tri thức khác, thì việc giáo dục - đào tạo mới trở thành vấn đề tiên quyết tác động trực tiếp đến sự phát triển con người, với tư cách vừa là chủ thể sản xuất nhưng đồng thời cũng vừa là chủ thể tiêu thụ các sản phẩm do mình tạo ra.

Đổi mới giáo dục, trước hết là đổi mới đối tượng tiếp cận của giáo dục. Đối tượng được nhắc đến ở đây của giáo dục không chỉ là đào tạo một công dân có thể nhận thức được thế giới khách quan theo thang giá trị phẩm hạnh cũng như khả năng độc lập tư duy, mà cần thiết xem đây như là quá trình không ngừng dung nạp các tri thức tiên bộ cũng như các phát kiến kỹ thuật đang chuyển động từng giờ, từng giây trên thế giới. Việc đào tạo một công dân chỉ biết làm theo bốn phần và sống theo phẩm hạnh mà bỏ qua việc nâng cao trình độ, cũng như hướng tới khám phá các đối tượng mới của tri thức (khám phá vũ trụ, công nghệ rô-bốt, công nghệ sinh học...), thì hoạt động giáo dục con người đó không khác nào một “nhà giữ trẻ của thế kỷ”. Giáo dục tri thức cần phải xem đại học như là nơi giải quyết triệt để các *ý niệm khoa học*, cũng như là nơi tập trung dân chủ, tự do cao nhất; là nơi mà người học có thể tìm thấy một hệ thống các giá trị toàn diện: *tri thức, cũng như phẩm hạnh/ đạo đức tri thức*. Môi trường đại học không chỉ là nơi có sự nối kết và thâm nhập lẫn nhau của việc đào tạo con người, một con người vừa biết cách để tạo ra sản phẩm tri thức theo ý nghĩa: sáng tạo ra các giá trị làm cho nhân loại hạnh phúc hơn và đẹp hơn; đồng thời cũng là những con người biết tôn trọng, đề cao các giá trị tri thức của người khác. Không chỉ dừng ở việc đào tạo con người vừa là cá thể biết sản xuất tri thức và sống theo phẩm hạnh trí thức, giáo dục đại học cần thiết phải được xem như là môi trường xây dựng các nguyên tắc nhận thức toàn diện của con người, trong đó, mọi công dân có quyền được nhận thức đầy đủ về chính trị cũng như có quyền được gia nhập vào các nguyên tắc chính trị của quốc gia/ quốc tế. Con người của thế kỷ XXI, là con người thuộc về chính trị. Bởi vì chính trị vừa là sự tác động, nhưng đồng thời cũng vừa là kết quả tất yếu của nền tri thức tiên bộ. Giáo dục tri thức, giáo dục đại học phải là nơi mà người học xem vừa như là môi trường, vừa như là cơ hội để *đối thoại và xây dựng lý tưởng khoa học*, mà nói như Nguyễn Văn Trung là “một tinh thần đối thoại”, “một lý tưởng tìm kiếm không ngừng”⁹ các giá trị.

Sau cùng, điều mà giáo dục tri thức nói chung và giáo dục đại học nói riêng cần hướng đến không phải là đưa ra một “phổ hệ tri thức” dày đặc, nhồi nhét vào tư duy con người, mà là hướng đến xác lập một “đời sống tinh thần” toàn diện¹⁰ cho con người như theo cách nói của K. Jasper¹¹. Giáo dục đại học cần hướng đến như là giáo dục về “tinh thần đại học” - Một tinh thần đối thoại, tự do tranh luận, tự do sáng tạo, tự do tìm kiếm *ý niệm tổng thể cho sự hoàn thiện cá nhân*, sẵn sàng “sống chết” vì chân lý và cho chân lý khoa học, đúng như ý nghĩa của từ Universitas/ University¹².

4. Kết luận

Sự ảnh hưởng của mô hình Chủ nghĩa tư bản hiện đại đến thực tế cuộc khủng hoảng đa chiều hiện nay, đặc biệt là khủng hoảng về khái niệm tự do, dân chủ, khủng hoảng các giá trị nhân văn, cho thấy việc phê phán chủ nghĩa duy lý kỹ thuật là cần thiết. Những bài học rút ra từ triết học của

⁹ Toàn văn ý trên của ông Nguyễn Văn Trung như sau: “Đón nhận trong một tinh thần đối thoại những cố gắng suy nghĩ của một người vẫn ước muốn tự đặt cho mình một kỷ luật, đồng thời cũng là một lý tưởng là phải tìm kiếm không ngừng, bằng cách tự - phủ - nhận, bất mãn với quãng đường mình vừa qua và cứ như thế mãi mãi” (Nguyễn Văn Trung, 1965).

¹⁰ Một đời sống tinh thần toàn diện theo K. Jasper là điều kiện tiên quyết của giáo dục: “Việc đào tạo các chuyên ngành này sẽ là vô hồn và vô nhân đạo, nếu không hướng đến cái toàn bộ” (Karl Jaspers, 2013).

¹¹ Triết gia, nhà cải cách giáo dục Đức. Cuốn sách quan trọng của ông về giáo dục cần được quan tâm rộng rãi là cuốn *the Idea of the University*, đây là tác phẩm có giá trị, chỉ rõ mục đích của giáo dục không chỉ dừng ở việc “sản xuất” trí tuệ cho con người, mà hơn cả, đó là nơi “đào luyện đời sống tinh thần” cho con người theo nghĩa vừa có trí tuệ, vừa có lý tưởng phục vụ trí tuệ, khoa học (Karl Jaspers, 2013).

¹² Theo Jasper thì “ý nghĩa nguyên thủy của từ Universitas như là cộng đồng của thầy và trò cũng quan trọng như ý nghĩa của sự thống nhất mọi ngành khoa học. Trong Ý niệm đại học có sự đòi hỏi về tính cởi mở toàn diện với nhiệm vụ liên kết không giới hạn, nhằm gắn tiếp cận cái Một - Toàn bộ” (Karl Jaspers, 2013).

các triết gia Mác-xít thời kỳ đầu, đặc biệt là về lý thuyết phê phán xã hội, đã khẳng định lại thắng lợi của Chủ nghĩa duy vật lịch sử và Chủ nghĩa duy vật biện chứng trước “Quý ông kỹ thuật” (từ được Martin Heidegger sử dụng). Từ đó, góp phần giảm bớt ảo tưởng của con người về một cuộc sống “dư thừa” giá trị vật chất trong “thế giới ảo”, để con người cần trở về với chính mình trong vai trò “cá nhân tạo ra vật chất theo quy luật của cái đẹp” (C. Mác - *Bản thảo kinh tế và triết học* năm 1844). Vì vậy, những giá trị nhân văn truyền thống một lần nữa được khôi phục trong tinh thần hiện đại.

Tài liệu tham khảo

- C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. (1993). *Toàn tập*. t.3. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Edmund Husserl. (1970). *The Crisis of European Sciences and Transcendental Phenomenology*. Northwestern University Press. USA.
- Friedrich Nietzsche. (1999). *Zarathustra đã nói như thế*. Nxb. Văn học.
- Jean Laloup, Jean Nélis. (1971). *Người và Máy: Nhập môn nhân bản kỹ thuật*. Ủy ban dịch thuật - Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản. Sài Gòn.
- Jean-Francois Lyotard. (2007). *Hoàn cảnh hậu hiện đại*. (Bản dịch của Ngân Xuyên, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính và giới thiệu). Nxb. Tri thức.
- Joseph S. Nye. (2004). *Thực thi sức mạnh mềm*. (Bản dịch của Lê Vĩnh Trương). <https://nghiencuuquocte.wordpress.com/2013/07/14/30-thuc-thi-suc-manh-mem/>
- Karl Jaspers. (2013). *Ý niệm đại học*. (Bản dịch của Hà Vũ Trọng). Nxb. Hồng Đức.
- Kuhn, Thomas S. (1970). *The structure of scientific revolutions*, second edition, enlarged. University of Chicago Press.
- Martin Heidegger. (1977). *The Question: Concerning Technology*. Garland Publishing. USA.
- Melvil, J. (1997). *Các con đường của triết học phương Tây hiện đại*. Nxb Giáo dục.
- Moisés Naím. (2009). *Hãy suy nghĩ lại: Toàn cầu hóa*. <http://nghiencuuquocte.files.wordpress.com/2013/07/nghiencuuquocte-net-28-hay-suy-nghi-lai-toan-cau-hoa.pdf>
- Thomas Kuhn. (2008). *Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học*. Nxb. Tri thức.